TOÀ ÁN NHÂN DÂN
Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 09/2018/DS-ST
Ngày 27.3.2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hồng** và bà **Lê Thị Nhớ**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Phan Khánh Vi** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Ông **Lê Thanh Tráng** - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 259/2017/TLST-DS ngày 17. 10. 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2018/QĐXXST- DS ngày 05.02.2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị V, sinh năm 1979; Trú tại: K158/56 đường T, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Trọng T (Nguyễn Thị T) sinh năm 1968. Trú tại: K197/10 đường B, phường C, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện gửi Tòa án, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:**

Vào ngày 04/5/2015, bà Nguyễn Thị T có mượn tôi số tiền 3.000.000 đồng, với tiền lãi mỗi tháng 150.000 đồng, góp hằng ngày 105.000 đồng trong vòng 01 tháng. Từ trước đến nay, bà T có góp tiền cho tôi nhưng số tiền không đủ tiền lãi bà T phải trả hàng tháng cho tôi. Tôi đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà T vẫn không trả tiền cho tôi.

Tôi khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả cho tôi số tiền gốc là 3.000.000 đồng và tôi không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, tôi thay đổi nội dung khởi kiện, tôi yêu cầu bà T trả cho tôi số tiền 2.350.000đ.

*** Trong biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn trình bày:**

Vào năm 2016, tôi có mượn bà Lê Thị V số tiền 3.000.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng 450.000 đồng, mỗi ngày tôi sẽ góp 100.000 đồng. Việc vay mượn tiền giữa

chúng tôi không có giấy tờ gì. Mỗi ngày tôi đều góp tiền cho bà V và tôi xác nhận chỉ còn nợ bà V số tiền 1.200.000 đồng.

Nay bà V khởi kiện yêu cầu tôi phải trả số tiền 3.000.000 đồng thì tôi không đồng ý vì tôi chỉ còn nợ bà V số tiền khoảng 1.200.000 đồng. Tôi đồng ý trả cho bà V số tiền 1.200.000 đồng với phương thức trả mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi hết khoản nợ trên.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đầy đủ thủ tục trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 2.350.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa bà Lê Thị V và bà Nguyễn Thị Trọng T (Nguyễn Thị T) là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn quận Thanh Khê, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân dự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình hòa giải, bà Lê Thị V yêu cầu bà Nguyễn Thị T (T) phải trả số tiền 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bà V thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà T trả số tiền 2.350.000đ, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà V không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Hội đồng xét xử thấy rằng, căn cứ vào giấy mượn tiền của bà T (T) ký vào ngày 04.5.2015 (Âm lịch) mượn bà Vui số tiền 3.000.000 đồng đã xác định giữa các bên đã ký kết hợp đồng dân sự về việc vay tài sản. Hai bên thỏa thuận trả lãi hàng ngày và không ấn định thời hạn trả gốc. Đây là hợp đồng vay tài sản có không có kỳ hạn và có lãi do các bên tự nguyện giao kết, không vi phạm các quy định của pháp luật nên được bảo vệ và đảm bảo thực hiện. Hội đồng xét xử thấy rằng, giao dịch vay tiền giữa bà V và bà T là tự nguyện và được pháp luật bảo vệ, do đó các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các điều khoản cam kết trong hợp đồng. Bà T cho rằng đã trả nợ cho bà V gồm cả gốc và lãi hàng ngày, hiện nay chỉ còn nợ 1.200.000đ nhưng bà V

không có giấy tờ chứng minh việc trả nợ đó nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận. Với số tiền nợ gốc 3.000.000đ, bà V đã nhiều lần trực tiếp yêu cầu bà T trả nhưng đến nay bà T chỉ trả được 650.000đ. Như vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng vay tài sản nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, buộc bà T có nghĩa vụ trả số tiền 2.350.000 đồng là có căn cứ.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: - Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của bà Lê Thị Vui đối với bà Nguyễn Thị Trọng T (Nguyễn Thị T).

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị Trọng T (Nguyễn Thị T) phải trả cho bà Lê Thị V số tiền 2.350.000 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Trọng T (Nguyễn Thị T) phải chịu 300.000đ;

Bà Lê Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 7588 ngày 17.10.2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Ngọc Cường